TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **142**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Hoa**

Ông **Nguyễn Lơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vy Thị Hoài Nụ** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 639/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Cù H** – sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn 4, xã S, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông **Thân C** – sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31/8/2022, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cù H trình bày:*

Bà và ông Thân C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào năm 2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2020 phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông C chơi bời, bỏ bê gia đình, thiếu trách nhiệm với con cái. Vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Bà xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông C.

Về con chung: Bà và ông C có một con chung là Thân B, sinh ngày 09/12/2018, khi ly hôn bà xin nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2022, bị đơn ông Thân C trình bày:*

Ông và bà Cù H kết hôn năm 2018 tại UBND xã S được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018 vào ngày 27/11/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Ông và bà H đã không chung sống từ cuối năm 2020 cho đến nay. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý vì không thể hàn gắn.

Về con chung: Ông và bà H có một con chung là Thân B, sinh ngày 09/12/2018, khi ly hôn ông xin giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông C xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cù H được ly hôn với ông Thân C.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Thân B, sinh ngày 09/12/2018 cho bà Cù H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Cù H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Thân C có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã B, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Cù H yêu cầu được ly hôn với ông Thân C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Cù H và ông Thân C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57/2018, ngày 27/11/2018. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Cù H và ông Thân C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy: Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa bà H và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông C thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Hơn nữa, bà H và ông C đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020. Hội đồng xét xử xét thấy, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là phù hợp. Đồng thời, ông C cũng đã có lời khai, trình bày ý kiến của mình, ông C đồng ý ly hôn với bà H do không còn tình cảm và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Cù H và ông Thân C có một con chung là cháu Thân B, sinh ngày 09/12/2018; bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Xét thấy: Trong vụ án này, từ khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ông C đồng ý giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, ông C không cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu B cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Cù H và ông Thân C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà Cù H và ông Thân C cùng xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Cù H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Cù H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Cù H được ly hôn ông Thân C.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Thân B, sinh ngày 09/12/2018 cho bà Cù H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Cù H không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Cù H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Cù H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2021/0005148 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà H đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: *Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã S, thị xã Ninh Hòa,
Giấy CNKH số 57 năm 2018;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thùy My